



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 32
8. Phụ lục	33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Công ty cổ phần Nam Việt trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000050 ngày 02 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 05 tháng 10 năm 2006, lần thứ 04 ngày 30 tháng 6 năm 2008 và lần thứ 05 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 8 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 18 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi tỷ lệ góp vốn của cổ đông.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Doãn Tới	299.500.000.000	45,38
Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	13,64
Nguyễn Duy Nhứt	100.000.000	0,01
Các cổ đông khác	270.400.000.000	40,97
Cộng	660.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại : 0763 834060

Fax : 0763 834054

E-mail : namviettagg@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 1600168736

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bìo-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón,
- Mua bán kim loại và quặng kim loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Ân Độ Dương	Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.	100%
Công ty cổ phần romic Nam Việt	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2801172029 ngày 16 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp	51%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 giảm đáng kể chủ yếu là do lãi gộp giảm (doanh thu giảm, nhưng giá vốn tăng) và chi phí tài chính tăng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

Trong kỳ, Công ty cổ phần Nam Việt chia cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 23 tháng 4 năm 2011 với số tiền là 59.044.725.000 VNĐ.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Nam Việt trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Thanh Bửu	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Quốc Xã	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	24 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Khôi	Trưởng ban	20 tháng 9 năm 2009	24 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Ảnh	Trưởng ban	24 tháng 4 năm 2011	-
Ông Hà Anh Tú	Thành viên	20 tháng 4 năm 2010	24 tháng 4 năm 2011
Ông Lương Văn Hữu	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-
Ông Bùi Thiện Khánh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	15 tháng 8 năm 2006	-
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 10 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Nam Việt đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Doãn Tới
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2011





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0801/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty cổ phần Nam Việt bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các Công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh số 1.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 04 tháng 8 năm 2011, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các Công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Phan Vũ Công Bả - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.018.014.383.510	1.011.881.589.633
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	155.792.407.206	71.160.812.400
1. Tiền	111		18.692.407.206	19.179.792.400
2. Các khoản tương đương tiền	112		137.100.000.000	51.981.020.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.495.007.559	101.284.102.291
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.495.007.559	101.284.102.291
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		553.414.165.110	570.239.752.261
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	537.497.638.667	586.337.949.456
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	30.748.072.037	17.869.921.495
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	40.324.527.129	20.718.964.150
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(55.156.072.723)	(54.687.082.840)
IV. Hàng tồn kho	140		271.946.588.531	254.634.193.818
1. Hàng tồn kho	141	V.7	274.490.618.438	266.775.498.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(2.544.029.907)	(12.141.305.121)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.366.215.104	14.562.728.863
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		594.472.513	2.773.194
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.917.363.184	8.020.994.091
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	14.854.379.407	6.538.961.578

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		946.723.191.115	921.172.663.229
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		668.291.329.784	664.610.217.702
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	465.625.832.016	353.813.070.814
Nguyên giá	222		847.631.020.476	684.147.219.659
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(382.005.188.460)	(330.334.148.845)
2. Tài sản cố định thuê tài chính			-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	27.048.050.441	17.876.588.366
Nguyên giá	228		28.147.770.403	18.039.617.804
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.099.719.962)	(163.029.438)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	175.617.447.327	292.920.558.522
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		272.927.096.400	255.513.754.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	52.204.000.000	31.900.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	233.400.000.000	233.400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(12.676.903.600)	(9.786.245.600)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.504.764.931	1.048.691.127
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	5.128.157.394	591.469.658
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17	376.607.537	457.221.469
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
V. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.964.737.574.625	1.933.054.252.862

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		491.577.395.997	416.215.470.134
I. Nợ ngắn hạn	310		460.649.463.679	378.145.166.407
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	283.787.985.956	244.667.208.800
2. Phải trả người bán	312	V.19	97.161.933.866	71.669.118.248
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	12.347.279.707	24.083.062.630
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	4.898.754.377	4.621.015.430
5. Phải trả người lao động	315	V.22	8.707.752.595	5.413.425.429
6. Chi phí phải trả	316	V.23	622.726.529	614.927.551
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	38.418.011.473	11.728.018.113
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	14.705.019.176	15.348.390.206
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		30.927.932.318	38.070.303.727
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	28.867.261.800	35.342.257.600
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	2.060.670.518	2.728.046.127
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.398.507.925.530	1.435.679.619.774
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.398.507.925.530	1.435.679.619.774
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.28	-	(1.775.888.987)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	153.960.096.278	192.907.679.509
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		74.652.253.098	81.159.162.954
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.964.737.574.625	1.933.054.252.862

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	2.598.204.737
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	104.221.820.106		169.688.482.875
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	14.265.242.777		14.265.242.777
5. Ngoại tệ các loại :			
Dollar Mỹ (USD)	694.457,74		772.820,59
Euro (EUR)	1.890,77		1.901,42
Nhân dân tệ (CNY)	-		140,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2011

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Đoàn Tới

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

			Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	729.793.302.957	741.141.465.355
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.496.043.117	5.293.825.523
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	724.297.259.840	735.847.639.832
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	662.813.420.587	629.219.999.991
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.483.839.253	106.627.639.841
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	50.220.403.039	50.533.103.278
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.567.601.739	23.161.756.536
Trong đó: chi phí lãi vay	23		21.888.335.857	19.155.306.618
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	39.813.020.508	67.797.763.045
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	18.413.746.796	19.876.034.268
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.909.873.249	46.325.189.270
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.649.987.229	1.741.500.398
12. Chi phí khác	32	VI.8	11.595.260.914	47.002.249
13. Lợi nhuận khác	40		(6.945.273.685)	1.694.498.149
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.964.599.564	48.019.687.419
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	80.613.932	2.696.155.815
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.883.985.632	45.323.531.604
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(8.213.156.137)	(3.137.084.202)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		20.097.141.769	48.460.615.806
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	306	739


Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2011


Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.964.599.564	48.019.687.419
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	54.321.104.467	47.433.861.586
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8, V.15	(6.237.627.331)	(17.607.210.098)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(10.025.851.545)	(13.924.922.190)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(8.050.175.295)	(9.232.210.160)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	21.888.335.857	19.155.306.618
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63.860.385.717	73.844.513.175
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.651.127.051	110.247.158.394
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.715.119.499)	(11.804.116.742)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		51.532.949.899	(1.395.602.214)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.128.387.053)	(291.278.437)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(21.858.434.879)	(18.222.557.956)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		352.060.280	68.130.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.212.731.310)	(919.280.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90.481.850.206	219.588.836.010
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12 VII	(64.510.844.995)	(61.394.449.150)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1.691.872.727	333.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(12.215.000.000)	(121.508.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	108.004.094.732	37.665.491.272
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(20.304.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	11.354.400.108	6.186.479.653
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		24.020.522.572	(138.717.296.407)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	517.897.656.199	531.255.080.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(489.030.271.600)	(654.958.447.464)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(58.767.194.700)	(35.171.541.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.899.810.101)	(158.874.908.964)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		84.602.562.677	(78.003.369.361)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	71.160.812.400	190.602.202.446
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.032.129	(461.420.828)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	155.792.407.206	112.137.412.257

An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2011


Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng


Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần Nam Việt 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần Nam Việt (Công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản. Khai thác quặng kim loại khác không sắt. Mua bán kim loại và quặng kim loại.
- Tổng số các công ty con** : 02.
- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH Ấn Độ Dương	Trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	100%	100%
Công ty cổ phần Cromic Nam Việt	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	51%	51%

- Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem	Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Công ty chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
Công ty cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	Xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Công ty chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh

- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Tập đoàn có 3.056 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 4.540 nhân viên).
- Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ**
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 giảm đáng kể chủ yếu là do lãi gộp giảm (doanh thu giảm, nhưng giá vốn tăng) và chi phí tài chính tăng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Nam Việt không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Cromit Nam Việt sẽ được khấu hao từ khi bắt đầu sản xuất (tháng 01 năm 2011) cho thời gian sử dụng còn lại.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 01 năm kể từ khi công ty này bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 05 năm.

Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động) được phân bổ trong 05 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

15. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

16. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

17. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

Ngày 31/12/2010 : 18.932 VND/USD

Ngày 30/6/2011 : 20.618 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	996.334.837	860.647.939
Tiền gửi ngân hàng	17.696.072.369	18.319.144.461
Các khoản tương đương tiền (*)	137.100.000.000	51.981.020.000
Cộng	155.792.407.206	71.160.812.400

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang	-	50.000.000.000
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	5.495.007.559	48.984.102.291
Cho Công ty cổ phần Sông Đà 12 - Xí nghiệp Sông Đà vay	-	2.100.000.000
Cho Công ty cổ phần xây lắp và thương mại vay	-	200.000.000
Cộng	5.495.007.559	101.284.102.291

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	447.924.852.706	494.513.294.707
Tại Công ty TNHH Ấn Độ Dương	89.571.967.334	91.824.654.749
Tại Công ty cổ phần Cromic Nam Việt	818.627	-
Cộng	537.497.638.667	586.337.949.456

4. Trả trước người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	11.663.196.530	5.465.497.849
Tại Công ty TNHH Ấn Độ Dương	337.705.200	115.077.640
Tại Công ty cổ phần Cromic Nam Việt	18.742.170.307	12.289.346.006
Cộng	30.748.072.037	17.869.921.495

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho nhân viên vay	24.328.038.221	1.919.903.939
Lãi cho vay, ký phiếu và tiền gửi có kỳ hạn	6.055.865.808	9.422.728.247
Chi hộ cước vận chuyển cho Công ty cổ phần Ba Long	2.566.183.020	2.566.183.020
Tiền, vật tư cho mượn	2.660.713.992	3.045.250.798
Các khoản phải thu khác	4.713.726.088	3.754.898.146
Cộng	40.324.527.129	20.718.964.150

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	742.718.628	11.761.870.631
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	8.601.951.113	116.941.466
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	37.588.850.143	37.611.011.885
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	8.222.552.839	5.197.258.858
Cộng	55.156.072.723	54.687.082.840

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	54.687.082.840
Trích lập dự phòng bổ sung	468.989.883
Số cuối kỳ	55.156.072.723

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	77.218.739.551	17.567.050.428
Công cụ, dụng cụ	3.113.357.651	3.090.027.271
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.294.221.699	7.672.474.360
Thành phẩm	151.710.355.846	217.766.947.170
Hàng gửi đi bán	15.153.943.691	20.678.999.710
Cộng	274.490.618.438	266.775.498.939

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	12.141.305.121
Hoàn nhập dự phòng	(9.597.275.214)
Số cuối kỳ	2.544.029.907

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	12.631.979.407	6.533.861.578
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.222.400.000	5.100.000
Cộng	14.854.379.407	6.538.961.578

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	229.846.646.275	396.894.386.449	47.105.955.260	10.300.231.675	684.147.219.659
Mua trong kỳ	9.834.477.746	55.925.355.008	379.372.289	-	66.139.205.043
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	82.405.201.119	16.358.166.667	2.125.141.722	-	100.888.509.508
Thanh lý, nhượng bán	(224.416.108)	(3.319.497.626)	-	-	(3.543.913.734)
Số cuối kỳ	321.861.909.032	465.858.410.498	49.610.469.271	10.300.231.675	847.631.020.476

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.361.454.108	26.925.653.035	3.646.429.336	3.024.365.837	37.957.902.316
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	113.416.293.605	186.212.464.481	23.110.062.779	7.595.327.980	330.334.148.845
Khấu hao trong kỳ (*)	18.548.617.601	30.473.377.525	3.621.198.118	942.525.004	53.585.718.248
Thanh lý, nhượng bán	(211.948.547)	(1.702.730.086)	-	-	(1.914.678.633)
Số cuối kỳ	131.752.962.659	214.983.111.920	26.731.260.897	8.537.852.984	382.005.188.460
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	116.430.352.670	210.681.921.968	23.995.892.481	2.704.903.695	353.813.070.814
Số cuối kỳ	190.108.946.373	250.875.298.578	22.879.208.374	1.762.378.691	465.625.832.016
Trong đó: Tạm thời chưa sử dụng	60.681.935.991	90.373.391.763	2.388.254.619	2.394.910.200	155.838.492.573
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(*) Trong đó, chi phí khấu hao hạch toán vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí khác lần lượt là 201.304.305 VND và 9.777.797.782 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị hao mòn lần lượt là 616.518.517.366 VND và 410.805.386.871 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	17.864.326.804	175.291.000	18.039.617.804
Mua trong kỳ	9.874.212.599	233.940.000	10.108.152.599
Số cuối kỳ	27.738.539.403	409.231.000	28.147.770.403
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	133.538.500	133.538.500
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	163.029.438	163.029.438
Khấu hao trong kỳ	906.608.399	30.082.125	936.690.524
Số cuối kỳ	906.608.399	193.111.563	1.099.719.962
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	17.864.326.804	12.261.562	17.876.588.366
Số cuối kỳ	26.831.931.004	216.119.437	27.048.050.441
Trong đó: Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn có nguyên giá 16.183.967.822 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	84.526.225.453	6.517.309.788	(52.681.771.670)	-	38.361.763.571
XDCB dở dang	208.394.333.069	29.878.678.377	(100.888.509.508)	(128.818.182)	137.255.683.756
<i>Chi phí đầu tư dự án nuôi trồng thủy sản cồn Bà Hòa</i>	70.225.028.670	2.897.272	-	(7.000.000)	70.220.925.942
<i>Đất khu bệnh xá công an</i>	19.280.000.000	18.000.000.000	-	-	37.280.000.000
<i>Bể xử lý nước thải</i>	1.456.210.000	-	-	-	1.456.210.000
<i>Hạng mục nhà hành chính</i>	1.615.155.095	-	(1.615.155.095)	-	-
<i>Hạng mục nhà máy Cromit</i>	86.233.109.735	9.917.080.498	(90.097.987.083)	-	6.052.203.150
<i>Công trình bể xử lý nước thải</i>	22.110.779.678	200.000.000	(4.240.105.781)	(121.818.182)	17.948.855.715
<i>Các công trình khác</i>	7.474.049.891	1.758.700.607	(4.935.261.549)	-	4.297.488.949
Cộng	292.920.558.522	36.395.988.165	(153.570.281.178)	(128.818.182)	175.617.447.327

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem ^(a)	31.900.000.000	31.900.000.000
Công ty cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa ^(b)	20.304.000.000	-
Cộng	52.204.000.000	31.900.000.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000200 ngày 18 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem 435.000.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 3.190.000 cổ phiếu, tương đương 1,59% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem là 403.100.000.000 VND.

(b) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 29/NQ-ĐHCD ngày 01 tháng 12 năm 2010, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa 200.000.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 20.304.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa là 179.696.000.000 VND.

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		188.200.000.000		188.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông	54.000	135.000.000.000	54.000	135.000.000.000
Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng Không	4.000.000	43.200.000.000	4.000.000	43.200.000.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác		45.200.000.000		45.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long	2.000.000	20.200.000.000	2.000.000	20.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt	200	20.000.000.000	200	20.000.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Cộng		<u>233.400.000.000</u>		<u>233.400.000.000</u>

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	9.786.245.600
Trích lập dự phòng bổ sung	2.890.658.000
Số cuối kỳ	<u>12.676.903.600</u>

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí trước hoạt động	363.679.303,00	3.405.795	(229.475.534)	137.609.564
Công cụ, dụng cụ	227.790.355	47.190.642	(109.540.672)	165.440.325
Chênh lệch tỷ giá	-	5.169.758.044	(344.650.539)	4.825.107.505
Cộng	<u>591.469.658</u>	<u>5.220.354.481</u>	<u>(683.666.745)</u>	<u>5.128.157.394</u>

17. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	457.221.469
Số hoàn nhập	(80.613.932)
Số cuối kỳ	<u>376.607.537</u>

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	264.543.144.756	216.996.080.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	35.596.080.000
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - chi nhánh Sầm Sơn ^(a)	1.18.201.847.255	-
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(b)	1.10.424.741.501	119.300.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang ^(c)	35.916.556.000	62.100.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	10.000.000.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	-	10.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	19.244.841.200	17.671.128.800
Cộng	<u>283.787.985.956</u>	<u>244.667.208.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình của Công ty cổ phần Cromit Nam Việt.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Nam Việt.
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH Ấn Độ Dương.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	216.996.080.000	10.000.000.000	17.671.128.800	244.667.208.800
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	517.897.656.199	-	-	517.897.656.199
Số kết chuyển	-	-	9.622.420.600	9.622.420.600
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(470.194.707.200)	(10.000.000.000)	(8.835.564.400)	(489.030.271.600)
Chênh lệch tỷ giá	(155.884.243)	-	786.856.200	630.971.957
Số cuối kỳ	<u>264.543.144.756</u>	<u>-</u>	<u>19.244.841.200</u>	<u>283.787.985.956</u>

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	59.603.780.612	51.235.993.805
Tại Công ty TNHH Ấn Độ Dương	2.770.842.619	3.023.560.612
Tại Công ty cổ phần Cromic Nam Việt	34.787.310.635	17.409.563.831
Cộng	<u>97.161.933.866</u>	<u>71.669.118.248</u>

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Nam Việt	12.139.216.996	23.965.339.074
Tại Công ty TNHH Ấn Độ Dương	206.437.372	117.723.556
Tại Công ty cổ phần Cromic Nam Việt	1.625.339	-
Cộng	<u>12.347.279.707</u>	<u>24.083.062.630</u>

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	376.284.002	2.108.368.004	(1.784.247.577)	700.404.429
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.192.012.750	(1.192.012.750)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	150.371.921	232.868.524	(306.737.726)	76.502.719
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.973.883.885	-	-	3.973.883.885
Thuế thu nhập cá nhân	120.158.408	1.996.949.260	(1.969.497.322)	147.610.346
Thuế tài nguyên	317.214	844.883.844	(844.848.060)	352.998
Thuế nhà đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Cộng	<u>4.621.015.430</u>	<u>6.384.082.382</u>	<u>(6.106.343.435)</u>	<u>4.898.754.377</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 còn phải trả cho nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phép	-	22.102.000
Chi phí lãi vay	622.726.529	592.825.551
Cộng	622.726.529	614.927.551

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	846.328.578	674.384.721
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	33.309.354.775	8.873.608.101
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	818.838.200	541.307.900
Các khoản phải trả khác	3.443.489.920	1.638.717.391
Cộng	38.418.011.473	11.728.018.113

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	15.348.390.206
Chi quỹ trong kỳ	(643.371.030)
Số cuối kỳ	14.705.019.176

26. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để đầu tư dự án nhà máy chế biến thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	19.244.841.200
Trên 01 năm đến 05 năm	28.867.261.800
Tổng nợ	48.112.103.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	35.342.257.600
Chênh lệch tỷ giá	3.147.424.800
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(9.622.420.600)
Số cuối kỳ	28.867.261.800

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	2.728.046.127
Số đã chi	(667.375.609)
Số cuối kỳ	2.060.670.518

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 33.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức

Trong năm, Công ty cổ phần Nam Việt đã chi trả cổ tức như sau:

Trả cổ tức năm trước	58.767.194.700
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	58.767.194.700

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.000.000	66.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	394.750	394.750
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	65.605.250	65.605.250
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	729.793.302.957	741.141.465.355
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	48.355.408.193	12.284.709.731
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	681.368.281.128	728.720.957.769
- <i>Doanh thu khác</i>	69.613.636	135.797.855
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.496.043.117)	(5.293.825.523)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(5.496.043.117)	(1.760.695.481)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(3.533.130.042)
Doanh thu thuần	724.297.259.840	735.847.639.832
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	48.301.546.685	12.284.709.731
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	675.926.099.519	723.427.132.246
- <i>Doanh thu thuần khác</i>	69.613.636	135.797.855

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	52.314.573.107	18.283.981.521
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	620.096.122.694	601.222.623.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.597.275.214)	9.713.394.643
Cộng:	662.813.420.587	629.219.999.991

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.062.234.476	6.195.983.243
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	282.809.171	450.155.506
Lãi tiền cho vay	3.436.827.639	420.711.488
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu	1.091.608.055	1.082.333.611
Cổ tức, lợi nhuận được chia	396.867.499	1.200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.067.095.622	13.924.922.190
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.882.960.577	27.258.997.240
Cộng	50.220.403.039	50.533.103.278

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	21.888.335.857	19.155.306.618
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.041.244.077	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.747.363.805	3.964.490.405
Chi phí khác	-	41.959.513
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.890.658.000	-
Cộng	34.567.601.739	23.161.756.536

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	64.551.358
Chi phí nhân công	999.219.640	988.055.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.679.183.544	1.679.183.528
Chi phí hoa hồng	1.494.763.293	1.933.897.379
Chi phí vận chuyển	22.158.895.864	47.215.587.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.926.669.219	14.495.446.103
Chi phí khác	554.288.948	1.421.042.338
Cộng	39.813.020.508	67.797.763.045

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	776.076.178	2.270.446.667
Chi phí nhân công	6.367.352.231	4.766.872.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.672.077.214	2.500.163.645
Thuê, phí và lệ phí	1.405.641.274	689.857.981
Chi phí dự phòng	468.989.883	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.258.066.099	1.708.425.064
Chi phí khác	3.465.543.917	7.940.268.787
Cộng	18.413.746.796	19.876.034.268

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.691.872.727	333.181.818
Thu nhập khác	2.958.114.502	1.408.318.580
Cộng	4.649.987.229	1.741.500.398

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.629.235.101	-
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm thời không sử dụng	9.777.797.782	-
Chi phí khác	188.228.031	47.002.249
Cộng	11.595.260.914	47.002.249

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.097.141.769	48.460.615.806
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.097.141.769	48.460.615.806
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	65.605.250	65.605.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	306	739

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các công ty trong Tập đoàn có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến mua tài sản cố định như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nợ mua tài sản cố định phải trả	10.054.160.063	18.588.791.255
Trả trước tiền mua tài sản cố định	1.667.180.000	5.322.417.847

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan là 498.827.638 VND (số đầu năm là 522.641.552 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Nam Việt 179.947.974 VND (kỳ trước là 327.587.486 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng Tổng Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa các công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Bán thành phẩm, bao bì	2.505.178.000	32.101.482.500
Lãi cho vay	3.061.735.365	114.372.049
Cho vay	12.215.000.000	50.160.000.000
Chi hộ	1.358.280	-
Cho mượn nguyên liệu	-	19.111.400
Chi phí gia công	21.581.478	13.481.807.000
Mua sản phẩm	8.659.379.473	1.421.449.323
Chi phí thuê kho, thuê tài sản	347.272.602	797.184.654
Thư hộ	1.872.808	33.680.802.549
Mua tài sản	-	56.761.902

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải thu tiền bán hàng	233.051.347.341	233.104.796.700
Phải thu khác	3.953.023	-
Cho vay	5.495.007.559	48.984.102.291
Cộng nợ phải thu	238.550.307.923	282.088.898.991
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải trả tiền hàng	229.406.185	235.519.492
Phải trả khác	1.256.818.705	-
Cộng nợ phải trả	1.486.224.890	235.519.492

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:


	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	584.522.181.816	612.862.949.252
Trong nước	139.775.078.024	122.984.690.580
Cộng	724.297.259.840	735.847.639.832

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn hiện nay hầu như nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2011


Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng


Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	(988.442.183)	156.672.471.484	1.400.231.858.553
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(787.446.804)	-	(787.446.804)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	70.608.530.841	70.608.530.841
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	(1.570.697.816)	(1.570.697.816)
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	(32.802.625.000)	(32.802.625.000)
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	(1.775.888.987)	192.907.679.509	1.435.679.619.774
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	(1.775.888.987)	192.907.679.509	1.435.679.619.774
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.775.888.987	-	1.775.888.987
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	20.097.141.769	20.097.141.769
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)
Số dư cuối kỳ	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	-	153.960.096.278	1.398.507.925.530

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2011



Trần Minh Cảnh

Trần Minh Cảnh
 Kế toán trưởng

Doãn Tới
 Tổng Giám đốc